

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU,
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2021/HS-ST

Ngày: 09-4-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Quốc Sử**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Nguyễn Trường Hoa**

2. Bà **Nguyễn Thị Thanh Hương**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Hương** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều tham gia phiên tòa:* Ông **Ngô Hoài Phương** – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 182/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 214/2021/QĐXXST-HS ngày 23/3/2021 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Nguyễn Văn Hải Đ**, sinh ngày 16/6/1996 tại Hậu Giang;

Nơi cư trú: Khu vực 1, Phường 7, Tp.Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Nghề nghiệp: Làm thuê Trình độ học vấn: 7/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam

Tôn giáo: không. Quốc tịch: Việt Nam;

Cha: Nguyễn Quốc N; Mẹ: Nguyễn Thị A;

Anh chị em ruột: Không;

Vợ: Phạm Kiều T, sinh năm 1998.

Con: có 2 người, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2018;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ Họ và tên: **Phạm Kiều T**, sinh ngày 21/01/1998 tại Cần Thơ;

Nơi cư trú: Số 359/35 đường V, phường D, quận Ninh Kiều, Tp Cần Thơ.

Nghề nghiệp: Buôn bán. Trình độ học vấn: 8/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ

Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam;

Cha: Nguyễn Văn B; Mẹ: Phạm Thị Ng;

Em ruột: Có 01 người sinh năm 2003.

Chồng: Nguyễn Văn Hải Đ

Con: Có 2 người, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2018

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* **Phạm Xuân E** (có mặt)

Địa chỉ: 140, đường 3/2, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, Tp Cần Thơ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 02/02/2020, anh Trần Thanh H là nhân viên của cửa hàng đồ gỗ VT ở số 140 đường 3/2 phường L, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tiến hành bàn giao ca làm việc và số tiền 77.794.000 đồng là tiền bán hàng trong ngày cho chị Huỳnh Thị Thúy Đ cất giữ; lúc này, bị can Nguyễn Văn Hải Đ cũng có mặt nên khi biết chị Đ cất giữ tiền ở học tủ bàn thu ngân thì Đ đi ra khỏi cửa hàng rồi gọi điện thoại nói cho bị can Phạm Kiều T biết nơi cất giữ tiền. Đến khoảng 18 giờ 55 phút, Hà Thị C, Hà Phước G, Lê Hoàng Th lần lượt vào cửa hàng VT xem, hỏi giá sản phẩm, sau khi Anh ra về thì chị Đ dẫn G, Th đi vào phía bên trong cửa hàng để xem sản phẩm giường gỗ, lúc này bị can T nhanh chóng đi vào kéo học tủ bàn thu ngân lấy đi số tiền 77.720.000 đồng rồi đi ra ngoài gặp bị can Đ đang đợi, cùng tẩu thoát. Sau khi G, Th đã ra về thì chị Đ phát hiện học tủ của bàn thu ngân bị kéo ra, mất số tiền 77.720.000 đồng, chỉ còn lại 74.000 đồng nên trình báo Cơ quan Công an phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều.

Cơ quan Công an tiến hành trích xuất camera, rà soát, truy tìm đối tượng, đến ngày 06/02/2020 Nguyễn Văn Hải Đ và Phạm Kiều T đến Cơ quan Công an đầu thú, tự nguyện giao nộp số tiền lấy trộm và vật chứng liên quan. (bút lục: 66, 71-72)

Vật chứng thu giữ: Tiền VNĐ 77.720.000 đồng; 01 nón bảo hiểm màu đỏ; 01 nón bảo hiểm màu xanh đen; 01 quần jean lửng màu xanh dương; 01 áo thun màu đen; 13 hóa đơn, 02 tờ giấy ghi chép việc thu chi của cửa hàng VT; 01 đĩa DVD chứa các đoạn video trích xuất từ camera. (bút lục: 67-70)

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn Hải Đ và Phạm Kiều T khai nhận: Vào khoảng tháng 01 năm 2020 do cần tiền trả nợ nên Đ nảy sinh ý định trộm cắp tiền của cửa hàng VT nơi Đ làm thuê. Sau đó, Đ bàn bạc với vợ là Phạm Kiều T về việc lấy trộm tiền, yêu cầu T tìm người giả làm khách vào xem, hỏi giá sản phẩm giường gỗ nhằm gây mất tập trung cho các nhân viên để T trực tiếp đi vào lấy trộm tiền; T nhờ Hà Thị C, Hà Phước G thực hiện công việc trên, T nói dối mục đích hỏi giá giường gỗ để đối chiếu, so sánh giá cho cửa hàng khác, xong việc sẽ trả thù lao cho C, G từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng thì C, G đồng ý, G rủ Lê Hoàng Th cùng tham gia. Sau khi lấy được tiền, Đ và T đi về nhà trọ 275 đường 30/4, phường L, quận Ninh Kiều kiểm đếm số tiền lấy trộm được là 77.720.000 đồng, rồi mang số tiền về nhà của T ở hẻm 359 đường V, phường D, quận Ninh Kiều cất giấu. Đến ngày 06/02/2020, Nguyễn Văn Hải Đ và Phạm Kiều T đầu thú tại Cơ quan Công an, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. (bút lục: 21-52, 76-86, 103-114)

Đối với Hà Thị C, Hà Phước G được bị can T thuê đi vào cửa hàng VT hỏi giá sản phẩm giường để nhận thù lao, G rủ thêm Lê Hoàng Th đi cùng, tất cả đều không biết mục đích trộm cắp tài sản của bị can T nên không truy cứu trách nhiệm hình sự. (bút lục: 87-100)

Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận Ninh Kiều xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu tài sản là ông Phạm Xuân E số tiền 77.720.000 đồng. (bút lục: 61, 75)

Về trách nhiệm dân sự, ông Phạm Xuân E đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường gì thêm. (bút lục: 81-82)

Tại Cáo trạng số 90/CT-VKS ngày 08 tháng 5 năm 2020, Viện Kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều đã truy tố Nguyễn Văn Hải Đ và Phạm Kiều T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Đ, bị cáo T thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố, các bị cáo thành khẩn khai báo.

- Người bị hại ông Phạm Xuân E trình bày: Do sự việc đã xảy ra, các bị cáo có con nhỏ, hoàn cảnh gia đình khó khăn và ông đã nhận lại toàn bộ tài sản nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa trình bày: Giữ nguyên quan điểm Cáo trạng truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c Khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Hải Đ với mức hình phạt từ 01 năm 03 tháng tù đến 01 năm 06 tháng tù về tội danh “Trộm cắp tài sản”, đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Kiều T với mức hình phạt từ 01 năm tù đến 01 năm 03 tháng tù về tội danh “Trộm cắp tài sản”. Về xử lý vật chứng đề nghị tịch thu tiêu hủy các vật chứng do không còn giá trị sử dụng.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình điều tra và truy tố, Cơ quan Công an và Viện kiểm sát đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh:

Lời khai nhận của các bị cáo Đ, T tại phiên tòa là phù hợp với lời khai người làm chứng và các chứng cứ khác đã được thu thập hợp pháp trong quá trình điều tra vụ án. Cụ thể, xuất phát từ động cơ tham lam, muốn có tiền tiêu xài, trả nợ Đ nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên rủ vợ là Phạm Kiều T cùng thực hiện. Lợi dụng việc bị cáo Đ là nhân viên của cửa hàng đồ gỗ VT, biết nơi để tiền bán hàng nên Đ bàn với T tìm người giả vờ hỏi thăm giá các sản phẩm để người trong coi số tiền là chị Đ mất cảnh giác trong quản lý tài sản, lợi dụng sở hở trong quản lý tài sản của chị Đ, T đi đến học tủ để tiền và lấy trộm số tiền 77.720.000 đồng rồi nhanh chóng ra xe cùng Đ tẩu thoát. Hành vi và giá trị tài sản lấy trộm của các bị cáo đã phạm vào tội trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Nhận thấy các bị cáo là người đã trưởng thành, các nhận thức đầy đủ hành vi phạm tội của mình nhưng chỉ vì tham lam nhất thời mà thực hiện hành vi phạm tội. Việc làm của các bị cáo đã xâm phạm vào quyền sở hữu tài sản của công dân, được pháp luật bảo vệ nên các bị cáo phải chịu chế tài theo pháp luật hình sự quy định.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đã nhận thức được hành vi sai trái của mình đến cơ quan công an đầu thú. Bên cạnh, bị cáo T có ông là người có công với cách mạng, bị cáo hiện tại là người trực tiếp nuôi 02 con nhỏ, tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên Hội đồng xét xử cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo là vợ chồng, hành vi phạm tội giản đơn nên không xem các bị cáo thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức, chỉ là đồng phạm giản đơn.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì thêm nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Nhận thấy 01 nón bảo hiểm màu đỏ, 01 nón bảo hiểm màu xanh đen, 01 quần jean lửng màu xanh dương, 01 áo thun màu đen không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: điểm c Khoản 2 Điều 173; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Hải Đ, Phạm Kiều T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: **Nguyễn Văn Hải Đ** mức án 01 (*một*) năm 03 (*ba*) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Xử phạt: **Phạm Kiều T** mức án 01(một) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự 2015, Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015

- Tịch thu tiêu hủy 01 nón bảo hiểm màu đỏ, 01 nón bảo hiểm màu xanh đen, 01 quần jean lửng màu xanh dương, 01 áo thun màu đen.

3. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND quận Ninh Kiều;
- Chi cục THADS quận Ninh Kiều;
- Công An quận Ninh Kiều;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Quốc Sử